

CHÍNH PHỦ
Số: 160/1999/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1999

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở ngày 25 tháng 12 năm 1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sau khi thống nhất ý kiến với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Nghị định này quy định chi tiết một số điều về Tổ chức và hoạt động hoà giải được quy định tại Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 09/1998/ PL-UBTVQH ngày 25 tháng 12 năm 1998 về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở.
- Các quy định của Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động hoà giải trong tố tụng của Tòa án nhân dân và của Trọng tài kinh tế.

Điều 2. Hoà giải ở cơ sở

- Hoà giải ở cơ sở là việc hướng dẫn, giúp đỡ, thuyết phục các bên tranh chấp đạt được thoả thuận, tự nguyện giải quyết với nhau những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ nhằm giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, củng cố, phát huy

những tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình và cộng đồng dân cư, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư.

2. "Các bên" nói tại Điều 1 Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở có thể là các thành viên trong một hộ gia đình, các hộ gia đình với nhau hoặc các cá nhân với nhau.

3. Thuật ngữ "cơ sở" theo quy định của Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở và Nghị định này là thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác như các chợ cố định, tụ điểm du lịch, vui chơi giải trí.

Điều 3. Hình thức hoà giải

Hoà giải ở cơ sở được thực hiện thông qua hoạt động của Tổ hoà giải hoặc các tổ chức thích hợp khác của nhân dân ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân.

Điều 4. Phạm vi hoà giải

1. Hoà giải được tiến hành đối với việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong cộng đồng dân cư, bao gồm :

a) Mâu thuẫn, xích mích giữa các thành viên trong gia đình do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn, xích mích giữa các cá nhân trong quan hệ xóm giềng như sử dụng lối đi qua nhà, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung ...;

b) Tranh chấp về quyền, lợi ích phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp phát sinh từ các quan hệ về tài sản, quan hệ hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất;

c) Tranh chấp về quyền, lợi ích phát sinh từ quan hệ hôn nhân gia đình như : thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng; quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con; nhận nuôi con nuôi; ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng;

d) Tranh chấp phát sinh từ những việc vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật, những việc vi phạm đó chưa đến mức bị xử lý bằng biện pháp hình sự hoặc

biện pháp hành chính như trộm cắp vặt, đánh chửi nhau gây mất trật tự công cộng, đánh nhau gây thương tích nhẹ, va quệt xe cộ gây thương tích nhẹ.

2. Không hoà giải các vụ việc sau đây :

a) Các tội phạm hình sự.

Riêng đối với các hành vi vi phạm pháp luật hình sự mà người bị hại đã không yêu cầu hoặc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Viện Kiểm sát hoặc Tòa án không tiếp tục tiến hành việc tố tụng và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi như : cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì có thể hoà giải;

b) Hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý vi phạm hành chính bao gồm :

- Hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy tắc quản lý nhà nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử lý vi phạm hành chính;

- Hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính như : giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục; đưa vào cơ sở chữa bệnh; quản chế hành chính.

c) Các vi phạm pháp luật và tranh chấp mà theo quy định của pháp luật không được hoà giải quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở bao gồm :

Kết hôn trái pháp luật;

Gây thiệt hại đến tài sản nhà nước;

Tranh chấp phát sinh từ giao dịch trái pháp luật;

Tranh chấp về lao động.

Điều 5. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp và ủy ban nhân dân các cấp về công tác hoà giải ở cơ sở

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm :

Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động hoà giải trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền;

Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động hoà giải trong phạm vi cả nước;

Tổ chức bồi dưỡng và hướng dẫn các Sở Tư pháp tổ chức bồi dưỡng về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nghiệp vụ hoà giải cho người làm công tác hoà giải;

Sơ kết, tổng kết công tác hoà giải của Tổ hoà giải trong phạm vi cả nước.

2. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác hoà giải theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Căn cứ tình hình cụ thể và khả năng ngân sách của địa phương, ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện, hỗ trợ về kinh phí cho việc kiện toàn tổ chức, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hoà giải ở địa phương.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan tư pháp địa phương về công tác hoà giải ở cơ sở

Các cơ quan tư pháp địa phương giúp ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác hoà giải, cụ thể :

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm :

a) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về công tác hoà giải trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành;

b) Theo sự chỉ đạo của Bộ Tư pháp và ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hướng dẫn việc thực hiện quy định của cấp trên về tổ chức và hoạt động hoà giải trong phạm vi địa phương;

c) Tổ chức bồi dưỡng và hướng dẫn Phòng Tư pháp tổ chức bồi dưỡng về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nghiệp vụ hoà giải cho người làm công tác hoà giải;

d) Sơ kết, tổng kết và báo cáo ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư pháp về công tác hoà giải của tổ hoà giải ở địa phương; tổ chức thi đua, khen thưởng công tác hoà giải ở địa phương.

2. Phòng Tư pháp có trách nhiệm :

- a) Theo sự chỉ đạo của cơ quan tư pháp cấp trên và ủy ban nhân dân cấp huyện, hướng dẫn các Ban Tư pháp triển khai thực hiện các quy định về công tác hoà giải ở địa phương; đề xuất với ủy ban nhân dân cấp huyện biện pháp kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động hoà giải ở địa phương;
- b) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải ở địa phương theo hướng dẫn của cơ quan Tư pháp cấp trên;
- c) Sơ kết, tổng kết công tác hoà giải của Tổ hoà giải ở địa phương và báo cáo về công tác hoà giải với ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan tư pháp cấp trên; tổ chức thi đua, khen thưởng công tác hoà giải của Tổ hoà giải ở địa phương.

3. Ban Tư pháp có trách nhiệm :

- a) Thực hiện việc bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải, cung cấp tài liệu nghiệp vụ cho tổ hoà giải ở địa phương theo sự hướng dẫn của cơ quan tư pháp cấp trên;
- b) Sơ kết, tổng kết công tác hoà giải của Tổ hoà giải ở địa phương, báo cáo công tác hoà giải với ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và cơ quan tư pháp cấp trên; tổ chức thi đua, khen thưởng công tác hoà giải ở địa phương

Chương II

TỔ HOÀ GIẢI VÀ TỔ VIÊN TỔ HOÀ GIẢI

Điều 7. Tổ hoà giải

1. Tổ hoà giải ở cơ sở là tổ chức tự quản của nhân dân được thành lập ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác để thực hiện hoặc tổ chức thực hiện việc hoà giải.

2. Tổ hoà giải có Tổ trưởng và các tổ viên.

Mỗi Tổ hoà giải có từ 3 tổ viên trở lên. Căn cứ đặc điểm, tình hình cụ thể của cụm dân cư và kết quả cuộc họp thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố, kết quả cuộc họp chủ hộ hoặc kết quả phiếu lấy ý kiến chủ hộ, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định số lượng tổ hoà giải ở địa phương.

Điều 8. Thủ tục bầu tổ viên, tổ trưởng tổ hoà giải